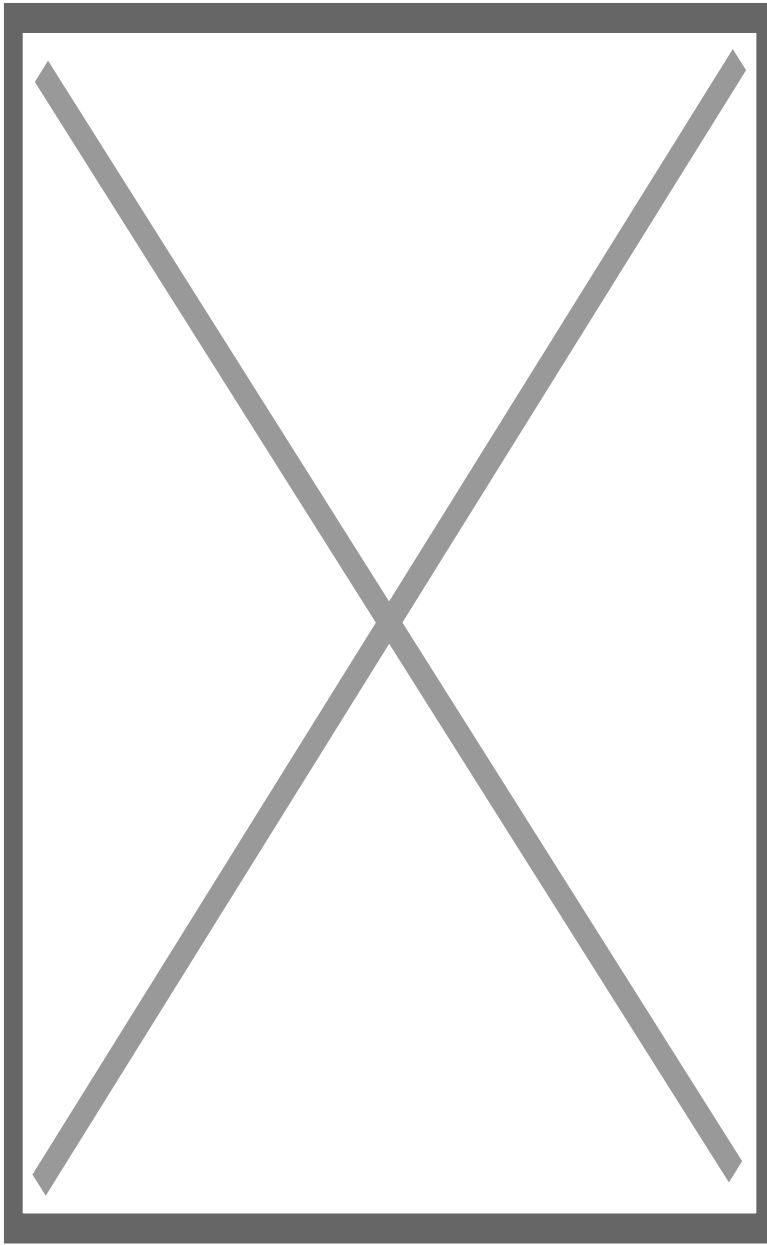


Trưởng lão Luật sư Thích Huệ Hưng bậc Đạo sư mô phạm

ISSN: 2734-9195 15:54 22/01/2024

Trưởng lão Luật sư Thích Huệ Hưng, húy Ngô Trí thuộc dòng thiền Lâm Tế đời thứ 39, là đệ tử Sư tổ Vạn An, Thích Chánh Thành (1872-1949)...

Trưởng lão Luật sư Thích Huệ Hưng, húy Ngô Trí thuộc dòng thiền Lâm Tế đời thứ 39, là đệ tử Sư tổ Vạn An, Thích Chánh Thành (1872-1949). Trưởng lão Luật sư Thích Huệ Hưng, húy Ngô Trí thuộc dòng thiền Lâm Tế đời thứ 39, là đệ tử Sư tổ Vạn An, Thích Chánh Thành (1872-1949).



Với tâm thành kính Tưởng niệm Trưởng lão Luật sư Thích Huệ Hưng bậc Đạo sư Mô phạm Trí đức song toàn.

Mỗi độ Xuân về, trong ký ức chúng con lại miên man với bao kỷ niệm thiêng liêng cùng vị Ân Sư mà chúng con có phúc duyên được học luật và hầu bên cạnh Ngài trong những giờ phút cuối đời. Đó là Trưởng lão Luật sư Thích Huệ Hưng.

Hòa thượng Ân Sư có hình dáng vừa tầm, hiện thân phạm hạnh để hoằng dương Luật tạng, hưng hiển Phật pháp. Đời sống giản dị thanh bần, Ngài luôn thể hiện “Thiểu dục tri túc” để nêu gương sáng cho hàng hậu học. Đời sống của Ngài đơn sơ bình dị nhưng lại chứa đựng bên trong một nguồn năng lực dồi dào, “Bất khả tư nghì”.

Lúc sinh tiền có học tăng đến tham vấn, Hòa thượng thường dùng câu trong Khế kinh để khuyến hóa: “Tri túc chi nhơn, tuy ngọa địa thượng du vi an lạc, bất chi túc chi nhơn, tuy xứ thiên đường diệt bất xung ý”. Nghĩa là, người biết đủ, dù nằm trên đất cát vẫn an lạc, trái lại, người không biết đủ, dù ở cung trời cũng không vừa ý.

Vậy muốn được sung sướng an vui, chúng ta cần phải thiếu dục và tri túc.

Nhớ lại những năm sau khi thống nhất đất nước, đầu thập niên 1980, Hòa thượng mở lớp dạy Luật. Thời điểm ấy hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, cơm áo gạo tiền thật túng thiếu nhưng Hòa thượng Ân Sư vẫn kiên nhẫn chịu đựng, chắt chiu dành dụm để hoàn thiện tâm nguyện là làm sao để duy trì Luật tạng cho mai sau có người tiếp nối hoằng dương, chuyên ngành Giới Luật học và dịch thuật Hán nôm.

Đối với hàng hậu sinh, chúng con vẫn luôn nhớ mãi hình ảnh Hòa thượng chăm chút, lo lắng cho chúng con từng bữa ăn, giấc ngủ. Tối nào cũng vậy, sau giờ chỉ tịnh một hồi, Hòa thượng lại đi từng giường để tấn mừng và nhè nhẹ kê gối, đắp chăn cho chúng con. Những khi chúng con mắc phải sai lầm, Hòa thượng lại vỗ về an ủi, động viên. . . bằng những lời êm đềm dịu ngọt như người mẹ hiền nâng niu đàn con dại.

Sau những thập niên 1980 Thiền sư Duy Lực tổ chức các tuần lễ Thiền thất tại Tu viện Huệ Quang, Hòa thượng là người trợ duyên đắc lực. Trong ký ức Tứ chúng Phật tử đến đây tham dự những buổi Thiền thất thời gian đó hẳn không quên hình ảnh của một Luật sư mô phạm đã chăm lo từng bữa ăn giấc ngủ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đại chúng an tâm tu tập tham thiền tại Tu viện Huệ Quang.

Chúng con nhớ một lần Hòa thượng cùng Sư thúc Minh Cảnh đến tổ đình Từ Ân Thiền Tự, Quận 11, TP.HCM để tiễn Thiền sư Duy Lực (1923-2000) sang Hoa Kỳ hoằng pháp. Nơi đây, con vô cùng hạnh phúc khi được hầu pha ấm trà để dâng lên các Ngài trong buổi chia tay mỗi người mỗi hướng đem đạo vào đời. Để rồi, dù kẻ bên kia hơn nửa vòng trái đất, người ở quê nhà cách xa vạn dặm nhưng lý tưởng phụng sự vẫn hòa cùng nhịp đập con tim, cùng luồng hơi thở, quyết tâm hoằng dương Phật pháp.

Hai vị tiền bối cùng trao đổi với nhau về việc hoằng truyền Giới luật, dịch thuật kinh điển, hoằng dương Tổ Sư thiền và cùng nhau hợp tác trong tương lai khi Viện Chuyên Tu tại Đại Tông Lâm hình thành.

Ôi! Cao đẹp biết bao, hình bóng và âm vang của nhị vị tiền bối vẫn mãi lung linh trong tâm hồn chúng con, là tư lương cho hành trình tu tập và chuyển hóa nội tâm cũng như tiếp nối các Ngài trong sự nghiệp hoằng dương Chính pháp. . .

Cuối đời, ước nguyện lớn lao của Hòa thượng Ân sư là làm sao để tiếp tục thực hiện những điều mà Ngài đã hứa với Đại lão Hòa thượng Phó Tăng Thống Thích Thiện Hòa (1907-1978) trong việc gìn giữ và phát triển ngôi Phật tự Đại Tông Lâm cho xứng tầm với công cuộc hòa nhập cộng đồng, phát triển của Đạo pháp và Dân tộc. Thế nhưng, lực bất tòng tâm bởi tuổi cao sức yếu, hoài bão vẫn chưa đạt thành.

Sau khi viên tịch, Hòa thượng Ân sư để lại di chúc với ba ước vọng lớn:

*** *Thành lập một lớp hoằng giáo* * *Thành lập Tu viện chuyên tu* * *Mở lớp huấn luyện trụ trì***

Với uy đức, khả năng và lòng tận tụy với Phật Pháp như vậy, Hòa thượng Ân sư được chư Tăng quy kính và cung thỉnh vào cương vị một số chức vụ từng đảm nhiệm:

- Trưởng ban Tăng sự Trung ương GHPGVN - Trưởng ban Phật giáo chuyên môn Viện nghiên cứu Phật học VN - Hiệu phó Trường Cao cấp Phật học VN - Phó Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. HCM - Tổng lý Hội đồng quản trị Tổ đình Ấn Quang. - Trụ trì chùa Kim Huê (Sa Đéc), tu viện Huệ Quang, Tp.HCM.

Mặc dù hết sức bận rộn với công việc của bốn tự, đạo tràng cũng như công việc của Giáo Hội, Hòa thượng Ân sư cũng tranh thủ từng chút thời gian để nghiên cứu, sáng tác và dịch thuật nhiều đầu sách cho tư tưởng, văn hoá, giáo dục Phật Giáo. Cái đáng quý của đời người không phải tính đếm bằng năm tháng ngày giờ đã sống mà là những gì chúng ta đã làm được và để lại cho đời. Và Ngài đã làm được như thế!

Thật vậy! Hòa thượng Ân sư đã tùy duyên hóa độ và tận tụy với việc hoằng pháp lợi sinh, chẳng kể gian lao, không từ khó nhọc. Người xưa có nói “Bồ Tát dĩ lợi sinh vi bản hoài”, thật khế hợp với công hạnh Người biết bao. Những gì cần nói, Hòa thượng Ân Sư đã nói, những nơi cần đến, Hòa thượng Ân Sư đã đến, những gì cần làm, Hòa thượng Ân Sư đã làm. . .

Cho nên người đệ tử Phật cần phải tôn nghiêm giới luật như là vị đạo sư của mình để ứng dụng xây dựng Đạo pháp dân tộc.

Cơ sở tự viện nào có nề nếp thanh quy nghiêm ngặt, đó là môi trường tốt để đào tạo Tăng tài cho Đạo Pháp và Dân tộc. Đạo Phật có tồn tại và phát triển hay

không, chính là nhờ những thế hệ Tăng già phúc trí trang nghiêm, Tài Đức song toàn. Tài năng nhờ hiểu sâu Phật pháp, Đức hạnh nhờ giữ giới tinh chuyên. Có Tài mà không có Đức thì chưa phải là người xuất gia đệ tử Phật chân chính. Thế nên, khẳng định rằng “Giới luật chính là thọ mạng của Phật Pháp” là vậy!

Sau khi thống nhất đất nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập năm 1981 đến nay, các tỉnh thành trong cả nước liên tục tổ chức các giới đàn truyền giới cho tăng, ni và phật tử tại gia, với trách nhiệm là: “Tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức”, thực hiện tính kế thừa “tre tàn măng mọc”, nhằm duy trì mạng mạch giáo pháp của Như Lai.

Các tăng, ni, phật tử sau khi thọ nhận giới pháp, trang nghiêm giới thể do thập sư trao truyền, một mặt lo tu tập bản thân để nâng cao đức hạnh, mặt khác thể hiện công hạnh lợi tha là hoằng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh (hoằng pháp vi gia vụ, lợi sinh vi sự nghiệp).

Tiểu sử Trưởng lão Luật sư THÍCH HUỆ HƯNG (1917-1990)

Phụng vì Việt Nam Phật giáo, Giáo hội Tăng sự Ban Trưởng, tự Lâm Tế Chính Tông, Tam thập cửu thế Thượng Huệ Hạ Hưng, húy Ngô Trí Nguyễn Công Hòa Thượng giác linh.

Hỡi ơi! Đàn truyền giới thiếu thầy khai đạo Chùa Huệ Quang vắng bóng Tôn sư Người đi vào cõi thiên thu Hoa Đàm tuy rụng vẫn lưu hương từ.

Trưởng lão Luật sư Thích Huệ Hưng, húy Ngô Trí thuộc dòng thiền Lâm Tế đời thứ 39, là đệ tử Sư tổ Vạn An, Thích Chánh Thành (1872-1949).

Ngài thế danh là Nguyễn Thanh Chấm, sinh năm Đinh Tỵ (1917) Niên hiệu Bảo Đại năm thứ 2, tại làng Mỹ Thọ, quận Cao Lãnh, thuộc tỉnh Vĩnh Long (nay tỉnh Đồng Tháp). Thân phụ là cụ Nguyễn Minh Biện, pháp danh Minh Chiếu, thân mẫu là cụ Trần Thị Mậu pháp danh Diệu Thiệt. Năm 62 tuổi, cụ bà xuất gia thọ giới Sa Di Ni.

Là con trưởng trong gia đình gồm bảy anh em, Ngài dìu dắt các bào đệ bước vào lộ trình giải thoát như:

1. Hòa thượng Thích Huệ Viên (1924-2011), trụ trì chùa Sơn Bửu, Vũng Tàu. 2. Hòa thượng Thích Minh Cảnh (1937-2018), trụ trì tu viện Huệ Quang. 3. Ni trưởng Thích Nữ Như Trí (đã viên tịch năm 1978). 4. Ni Sư Thích Nữ Như Diệu, trụ trì tu viện Diệu Đức, Quận Bình Thạnh.

Vốn sinh trong gia đình trung lưu phúc hậu, nhiều đời kính tín Tam Bảo, sâu trồng ruộng phước Tăng già, Ngài sớm nhận thức cảnh trần gian ảo mộng, cuộc đời giả huyễn vô thường nên đã đến núi Sập (nay thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang), để tìm nơi tu dưỡng, hằng ngày lo niệm Phật tụng kinh.

Bao năm thiện tâm nung nấu trong bể khổ trần gian, một dạ sắt son kiên tâm bền chí, trần duyên rũ sạch, Bồ đề tâm khai phát để làm tiền đề cho Bát Nhã đơm bông. Thật là “Đàm hoa nhất hiện”, khi những sợi tóc não phiền rơi rụng theo từng nhát kéo đong đưa, thì đại nguyện cũng tùy thời ứng hiện.

Đó là năm Mậu Dần (1938), Ngài có phúc duyên được Tổ sư Vạn An Thích Chánh Thành (1872-1949) tế độ xuất gia tại Tổ đình Vạn An, rạch Cái Xếp (nay xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp) và được ban pháp hiệu Huệ Hưng; và sau đó, Ngài được học tại trường Gia giáo Tổ đình Vạn An.

Năm Nhâm Ngọ (1942) Niên hiệu Bảo Đại năm thứ 27, Tổ Vạn An khai đàn trao giới, Ngài chính thức thọ Sa Di. Vốn thông minh sẵn có và lòng khát ngưỡng Đại Thừa, ngày đêm Ngài tinh tấn tu hành, lo phụng trì chính giới.

Năm Quý Mùi (1943) Niên hiệu Bảo Đại năm thứ 28, Tổ Vạn An biết Ngài là bậc pháp khí Đại Thừa, xứng đáng ngôi Long Tượng của Phật pháp bèn quyết định cho thọ Tỳ Kheo Bồ Tát Giới tại chùa Viên Giác ở Vĩnh Long.

Sau đó, Ngài ở lại chùa này học kinh luật trong mười tháng rồi qua chùa Phước Duyên ở Mỹ Tho tu học cho đến năm 1945 thì Ngài tiếp tục học tại Phật Học Đường Lương Xuyên - Trà Vinh. Học ở đây được 6 tháng, vì tình hình chiến sự trong nước, Ngài phải trở về học với Hòa thượng Hành Trụ tại chùa Long An - Sa Đéc.

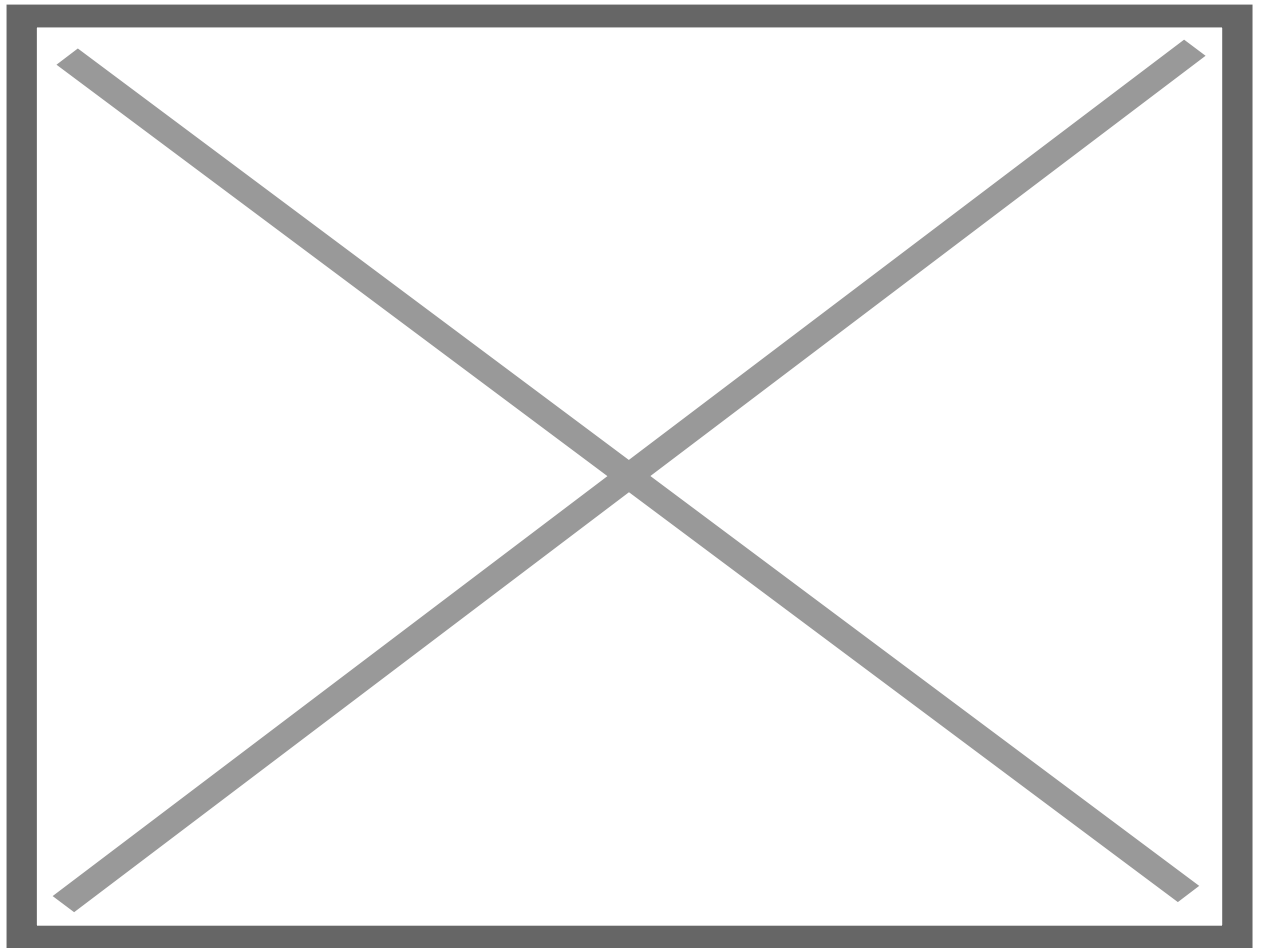
Từ đây; Ngài nhẹ gót thên thang trong rừng Thiền thăm thẳm, lướt sóng tung tăng trên biển Pháp menh mông, nghiên tầm tham cứu Tam tạng giáo điển.

Cuối mùa đông Đinh Hợi (1947), Ngài cầu học với Hòa Thượng Thích Trí Tịnh (1917-2014) tại Phật Học Đường Liên Hải - Sài Gòn.

Năm Canh Dần (1950), Ngài được Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Hòa đích thân mời tham gia giảng dạy tại Phật học đường Nam Việt, Sùng Đức Cổ Tự (nay 688 Hồng Bàng, phường 1, quận 11, TP.HCM).

Năm Tân Mão (1951), Ngài dưỡng bệnh tại chùa Giác Nguyên - Khánh Hội (nay Quận 4, Tp.Hồ Chí Minh), đồng thời dạy giảng dạy kinh luật cho Tăng chúng. Cũng tại nơi này, Ngài phiên dịch kinh Duy Ma Cật và Kim Cang Giảng Lục.

[caption id="attachment_25379" align="aligncenter" width="657"]



Tổ đình Ấn Quang, Tp.HCM. Ảnh: St[/caption]

Năm Giáp Ngọ (1954), với hoài bão “Hoằng pháp là nhà, lợi sinh là sự nghiệp”, Ngài đã phụ giúp Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Hòa, viện chủ Tổ đình Ấn Quang giảng các bộ kinh Đại Thừa.

Năm Ất Mùi (1955), Hòa thượng Thích Trí Tịnh mời Ngài phụ trách Phó Liên trưởng Hội Cự Lạc Liên Hữu tại chùa Liên Trì, tỉnh Phước Tuy (nay thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) do Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh làm Chánh Liên trưởng.

Năm Bính Thân (1956), Ngài sang thủ đô Phnôm Pênh, Vương quốc Phật giáo Campuchia dạy khóa hạ tại chùa Chuẩn Đề, khi trở về Việt Nam, Ngài được mời ngôi vị Phương trưởng trụ trì Tổ đình Kim Huê Cổ Tự - Sa Đéc.

Năm Đinh Dậu (1957), Giáo Hội Tăng Già Nam Việt mở khóa huấn luyện trụ trì “Như Lai Sứ Giả” tại chùa Pháp Hội do Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Hòa (1907-1978) làm Trưởng ban và mời Ngài đảm nhiệm Phó trưởng ban kiêm Chánh Thư ký.

Năm Mậu Tuất (1958), Ngài giảng dạy tại Phật Học Đường Phước Hòa (nay tọa lạc tại địa chỉ: 104 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 02 Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh).

Ngày 10 tháng 3 năm 1959 (nhằm ngày 2/2/Kỷ Hợi), Ngài chính thức xin từ chức Trụ trì Tổ đình Kim Huê, để dành thời gian chuyên tu, nghiên cứu trước tác, dịch thuật và giảng dạy, trước sự hiện diện của chư tôn thiền đức tăng già, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Từ Nhơn, Hòa thượng Thích Chánh Đạo, đại diện Ni chúng Ni sư Thích nữ Như Hoa (1909-1989), đại diện Thiện nam cư sĩ Nguyễn Văn Kiều, đại diện Tín nữ cư sĩ Nguyễn Thị Trinh và tứ chúng bốn đạo Tổ đình Kim Huê.

Sau khi bỏ phiếu bầu dân chủ về Ban Chức sự Tổ đình Kim Huê, Thượng tọa Thích Huệ Phát (1921-1990) đắc cử Quyền Trụ trì kiêm Thủ quỹ, Thượng tọa Thích Thiện An đảm nhiệm chức Tri sự, Thượng tọa Thích Thiện Tâm (1928-2017) đảm nhiệm chức Thư ký Tổ đình Kim Huê dưới sự cố vấn tối cao Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Cố vấn Trụ trì Hòa thượng Thích Huệ Hưng.

Năm Canh Tý (1960), Ngài giao nhiệm lại cho Hòa thượng Thích Huệ Phát giữ chức vụ trụ trì Tổ đình Kim Huê Cổ Tự - Sa Đéc để Ngài yên tâm nhập thất thiền định.

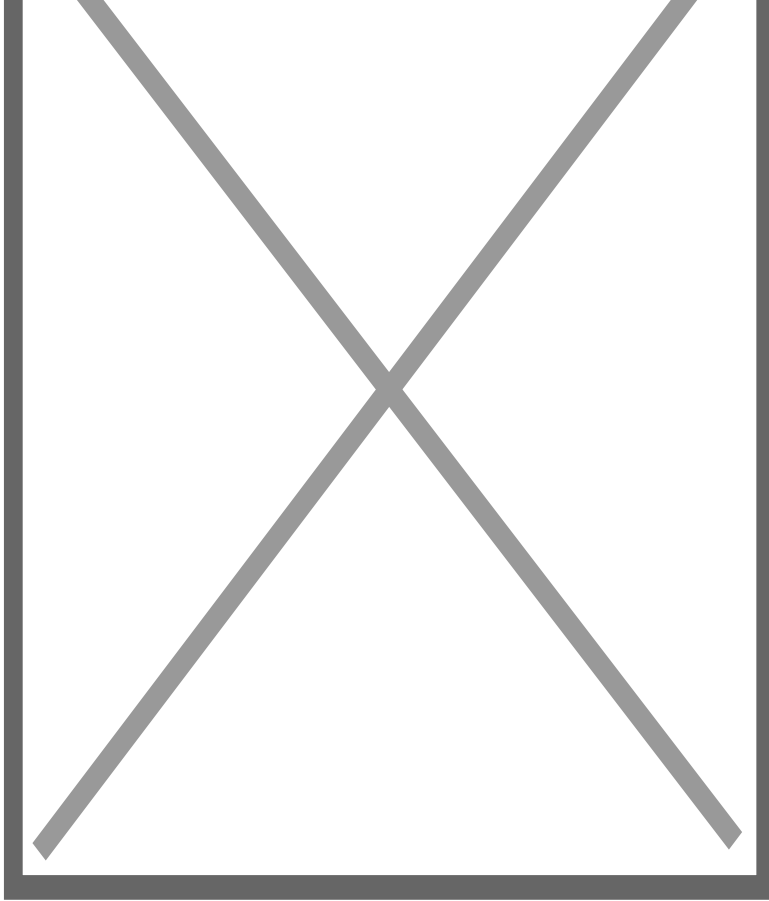
Năm Tân Sửu (1961) Đại giới đàn tại ngôi già lam Vạn Thọ Cổ Tự, (nay 247 Hoàng Sa, Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) Ngài được cung thỉnh Giáo Thọ A Xà lê.

Năm Nhâm Dần (1962), Ngài xây dựng Thiền viện Tập Thành gần chợ Bà Chiểu, Sài Gòn (nay thuộc quận Bình Thạnh, Tp. HCM) và làm Yết Ma A Xà lê truyền giới sư Đại giới đàn Phật Học Đường Nam Việt chùa Ấn Quang.

Năm Giáp Thìn (1964), ngài được mời làm giới sư tại Đại giới đàn Việt Nam Quốc Tự do GHPGVNTN tổ chức.

Từ năm Bính Ngọ (1966) đến Kỷ Dậu (1969) Ngài làm Giới sư truyền giới và giáo sư tại Phật Học Viện Cao Đẳng Huệ Nghiêm, và giảng kinh Viên Giác và Luật Tứ phần tại chùa Tuyền Lâm (nay tọa lạc tại 887 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

[caption id="attachment_25377" align="alignright" width="400"]



Khởi công xây dựng Chính

diện Tu viện Huệ Quang (Ảnh: TVHQ)[/caption]

Năm Canh Tuất (1970), Ngài khai sơn Tu Viện Huệ Quang rồi thường trụ và hành đạo tại đây cho đến ngày viên tịch. Ngài được mời làm giới sư tại các giới đàn: Linh Sơn Cổ Tự, Phường Cầu Muối, Quận Nhất, Sài Gòn, Tu viện Quảng Đức, huyện Thủ Đức (năm Tân Hợi - 1971), Huệ Quang, Chùa Phật Ân - Mỹ Tho (năm Nhâm Tý - 1972), Phước Huệ - Nha Trang (năm Quý Sửu - 1973), Phật Học Viện Hải Đức, Chùa Long Sơn - Nha Trang.

Trong năm này, Ngài được Hòa thượng Thích Trí Tịnh mời vào thành viên Hội đồng Phiên dịch Tam Tạng giáo điển, thuộc Viện Tăng thống GHPGVN Thống Nhất.

Năm Giáp Dần (1974), Ngài được thỉnh cử Giới sư tại Đại giới đàn chùa Quảng Đức, Long Xuyên do Hòa thượng Thích Tác Phước làm Trưởng Ban Kiến Đàn. Đồng thời, Ngài được thỉnh cử ngôi vị Thành viên Hội đồng giáo phẩm Trung ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Cũng trong năm này, Đại lão Hòa thượng Phó Tăng thống GHPGVNTN Thích Thiện Hòa lâm trọng bệnh, Ngài được thỉnh cử Tổng lý Hội đồng Quản trị Tổ đình Ấn Quang, Đại Tòng Lâm và các cơ sở trực thuộc.

Năm Ất Mão (1975) , Ngài được thỉnh cử Giới sư tại Đại giới đàn Thiện Hoa chùa Ấn Quang.

Từ năm Bính Thìn (1976) đến Canh Thân (1980), hai Đại giới đàn Quảng Đức và Thiện Hòa được mở ra tại Tổ đình Ấn Quang, Ngài được cung thỉnh làm Yết Ma A Xà Lê.

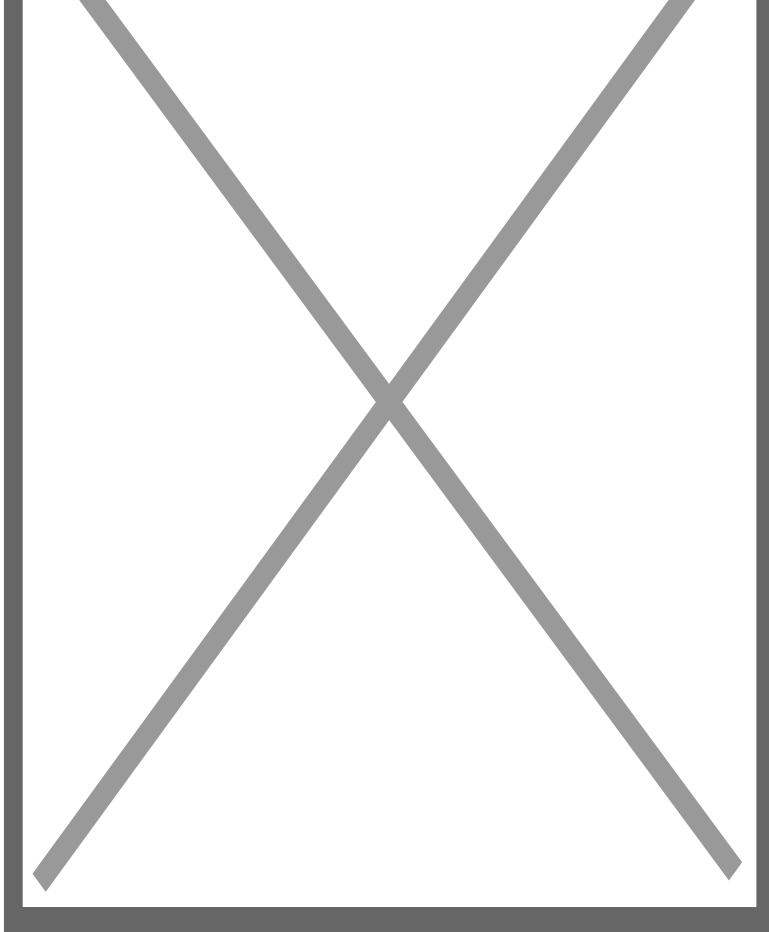
Năm Mậu Ngọ (1978) Đại giới đàn tổ chức tại Chùa Giác Sanh, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh, ngài được cung thỉnh đương vi Yết Ma A Xà lê.

Năm Canh Thân (1980) Đại giới đàn tổ chức tại Tổ đình Ấn Quang, Ngài được cung thỉnh đương vi Yết Ma A Xà lê.

Năm Nhâm Tuất (1982), Thành Hội Phật Giáo Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ I để cử ngài giữ chức vụ Phó Ban Trị Sự Thành hội PG Tp. HCM kiêm Ủy viên Giáo dục Tăng Ni.

Năm Quý Hợi (1983), Ngài được mời cương vị giảng sư Trường hạ chùa Xá Lợi, quận 3, do Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

[caption id="attachment_25378" align="alignleft" width="400"]



Hòa thượng Thích Huệ Hưng

tại Chính điện Tu viện Huệ Quang (Ảnh: TVHQ)[/caption]

Năm Giáp Tý (1984), Ngài được thỉnh cử Giới sư Đại giới đàn Thiện Hòa do Thành Hội Phật Giáo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tại Tổ đình Ấn Quang. Từ đó cho đến ngày viên tịch, ngài được mời giảng dạy tại các trường hạ do Thành Hội tổ chức, và đảm nhiệm chức Hiệu Phó kiêm Giám Luật, giảng viên Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam cơ sở 2, Thiền viện Vạn Hạnh, 750 đường Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

Năm Đinh Mão (1987), Đại Hội Phật Giáo nhiệm kỳ II, Ngài được tái cử chức vụ Phó Ban Trị Sự Thành Hội PG Tp. HCM. Mùa an cư năm này, Ngài làm Thiền chủ trường hạ do Thành Hội PG Tp.HCM tổ chức tại Tổ đình Vĩnh Nghiêm. Tháng 10/1987, Ngài đi dự Đại Hội Phật Giáo toàn quốc kỳ II tại Hà Nội. Ngài được tấn phong Hòa thượng và được đề cử ngôi vị Trưởng ban Tăng sự Trung ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Năm Mậu Thìn (1988), Ngài làm Yết Ma A Xà Lê tại Đại giới đàn do Thành Hội Phật Giáo tổ chức lần thứ II tại Tổ đình Ấn Quang.

Năm Kỷ Ty (1989), Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam được thành lập, Ngài được cử làm Trưởng ban Phật giáo chuyên môn cho đến ngày viên tịch.

Cuộc đời hành hóa của Ngài rất bình dị, chơn tu thật học, nghiêm trì giới luật, xiển dương Phật pháp bằng con đường giáo dục. Ngài là vị Luật sư, Thiền sư, Giáo thọ của Tăng Ni, Phật Tử trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Trong sự nghiệp tham thiền và giảng dạy, Hòa Thượng đã phiên dịch:

- Kinh Duy Ma Cật. - Kim Cang Giảng Lục. - Lược Sử Đức Lục Tổ. - Pháp môn tu chứng Lăng Nghiêm Đại Định. Chưa xuất bản: - Kinh Phật thuyết Đương Lai Biến. - Kinh Phật thuyết diệt tận. - Tập Tri Kiến Giải Thoát. Đang soạn dịch: - Kinh Phạm Võng Hiệp Chú.

Quy luật tạo hóa theo tuần hoàn sinh trụ dị diệt, tứ đại theo duyên tăng giảm. Cuối năm Kỷ Ty (1989), Ngài lâm trọng bệnh. Như cảm nhận được phút vĩnh ly, Ngài tự viết lời Di chúc cho môn đồ pháp quyết rất chi tiết. Thời gian điều trị bệnh tại Bệnh viện Chợ Rẫy, vào một buổi sáng, Ngài bảo thị giả Thiện Hữu đưa giấy viết cho Ngài và đích thân Ngài tĩnh tọa kiết già trên giường bệnh, thanh thản hồn nhiên cảm tác hai bài kệ như lời di ngôn cuối cùng với tứ chúng đệ tử:

□□□□□ ?□□□ ?□ □□□□□ ?????□□

Đường qua bể ngạn chẳng đâu xa, Rời khỏi chân tâm chính đó mà, Một niệm chẳng sinh chân thể hiện; Rõ ràng trước mặt Mặt Ba la.

Và bài thơ ngũ ngôn bằng Hán tự:

□□□□ □□□□ □□□□ □□□□

Chư pháp từng bản lai, Như thị diệt như thị, Phương tiện tùy ứng hóa; Như huyễn phục như huyễn.

Tạm dịch:

Các pháp từ xưa nay, Như vậy vốn như vậy, Phương tiện tùy duyên hiện; Như huyễn lại như huyễn.

Sáng ngày 28 tháng Giêng, Ngài bảo thị giả Thiện Hữu dìu đỡ Ngài lên Tổ đường để đánh lễ liệt vị Tổ sư lần cuối, sau đó trở về Phòng trưng tĩnh tọa. Vì ý nguyện của Ngài muốn an tịch trong tư thế kiết già thiền tọa, nên thị giả Thiện Hữu đã đỡ Ngài ngồi và cùng ngồi sau lưng Ngài. Đến khoảng 10 giờ 40 phút, như có linh cảm, thị giả Thiện Hữu mở mắt nhìn Ngài và thấy Ngài vẫn an nhiên bất động.

Thị giả Thiện Hữu bèn đứng dậy lặng lẽ bước ra ngoài, báo cho Thầy Trụ trì Thích Minh Cảnh tin Ngài đã viên tịch. Khi Thầy Trụ trì vào, thì Ngài đã an nhiên thị tịch tại Phương trượng Tu viện Huệ Quang, vào lúc 10 giờ 45 phút sáng ngày 28 tháng Giêng năm Canh Ngọ (23/2/1990).

Ngài trụ thế được 74 Xuân, với 46 hạ lạp. Bảo tháp Ngài được xây dựng tại Đại Tòng Lâm - Bà Rịa Vũng Tàu để cùng đứng chung với các vị tiền bối đã kiến tạo nên cơ sở Tổ đình Ấn Quang.

Phụng vì Việt Nam Phật giáo, Giáo hội Tăng sự Ban Trưởng, tự Lâm Tế Chính Tông, Tam thập cửu thế Thượng Huệ Hạ Hưng, húy Ngô Trí Nguyễn Công Hòa Thượng giác linh.

Đệ tử y chỉ Thích Vân Phong kính soạn